

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Số: 21/2008/TTLT- BQP-
BLĐTBXH-BTC

THÔNG T- LIÊN TỊCH

**Sửa đổi, bổ sung Thông t- liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-
BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng,
Bộ Lao động-Th- ơng binh và Xã hội, Bộ Tài chính h- ớng dẫn thực hiện
Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005
về chế độ, chính sách đối với một số đối t- ợng trực tiếp
tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu n- ớc nh- ng ch- a
đ- ợc h- ớng chính sách của Đảng và Nhà n- ớc**

□□□□□□□□□□□□□□□□

Căn cứ Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ t- ớng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg) về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ t- ớng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối t- ợng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu n- ớc nh- ng ch- a đ- ợc h- ớng chính sách của Đảng và Nhà n- ớc (sau đây gọi tắt là Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg), Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Th- ơng binh và Xã hội, Bộ Tài chính h- ớng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông t- liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 (sau đây gọi tắt là Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC) nh- sau:

I. BỔ SUNG ĐỐI T- ỢNG VÀ THỜI GIAN TÍNH H- ỚNG CHẾ ĐỘ

1. Bổ sung đối t- ợng đ- ợc h- ớng chế độ

a) Bổ sung đối t- ợng h- ớng chế độ một lần theo h- ớng dẫn tại điểm 1.1, khoản 1, Mục II, Phần I Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, gồm:

- Hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an tham gia chiến đấu và hoạt động tại chiến tr- ờng B, C, K trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975, nh- ng không có thân nhân phải trực tiếp nuôi d- ỡng ở miền Bắc;

- Cán bộ xã (ph- ờng) hoạt động ở miền Nam, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu n- ớc trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975.

b) Bổ sung đối t- ợng h- ớng chế độ một lần theo h- ớng dẫn tại điểm 1.1, khoản 1, Mục III, Phần I Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, gồm: Du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu n- ớc trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến 30/4/1975 đã về gia đình, hiện không

thuộc diện ng-ời đang công tác có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc h-ởng chế độ h- u trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng.

2. Bổ sung thời gian h-ởng chế độ theo h-ớng dẫn tại điểm 2.1, khoản 2, Mục III Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC đối với dân quân tập trung trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu n- óc thuộc 07 xã giáp ranh bên bờ Bắc sông Bến Hải trên vĩ tuyến 17 (gồm các xã: Vĩnh Giang, Vĩnh Quang, Vĩnh Thành, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Ô, Vĩnh Hà) và 05 xã nằm trong khu phi quân sự (gồm các xã: Vĩnh Tân, Vĩnh Thạch, Vĩnh Hoà, Vĩnh Hiền, Vĩnh Thuỷ) của huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đ-ợc tính h-ởng chế độ trợ cấp một lần trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 cho đến khi giải thể về gia đình.

II. CÁCH TÍNH H- ỜNG CHẾ ĐỘ

Cách tính h-ởng chế độ thực hiện theo h-ớng dẫn tại Thông t- số 191/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, nay bổ sung một số điểm sau:

1. Đối với đối t-ợng nêu tại khoản 1, 2 Mục I, nếu có thời gian đã đ-ợc tính h-ởng các chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP ngày 15/4/1999 của Chính phủ hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ t-ớng Chính phủ thì lấy tổng thời gian đ-ợc h-ởng chế độ trừ đi thời gian đã h-ởng chế độ một lần tr-ớc đó (kể cả thời gian đã đ-ợc làm tròn). Thời gian còn lại đ-ợc tính theo mức h-ởng quy định.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, nhập ngũ tháng 4/1967 là hạ sỹ quan, chiến sỹ, đến tháng 9/1972 đ-ợc bổ nhiệm B bậc phó; từ khi nhập ngũ đến 30/4/1975, ông chiến đấu ở chiến tr-ờng miền Nam, không có thân nhân phải trực tiếp nuôi d-ỡng ở miền Bắc. Ông Nguyễn Văn A đã đ-ợc tính h-ởng chế độ một lần cho thời gian ông là ng-ời h-ởng l-ơng từ tháng 9/1972 đến 30/4/1975 là 2 năm 8 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung h-ởng chế độ một lần của ông Nguyễn Văn A theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg nh- sau:

- Tổng thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến tr-ờng miền Nam từ tháng 4/1967 đến 30/4/1975 là 8 năm 1 tháng.

- Thời gian đã đ-ợc tính h-ởng chế độ một lần của ng-ời h-ởng l-ơng từ tháng 9/1972 đến tháng 4/1975 là 2 năm 8 tháng (đã đ-ợc tính là 3 năm).

- Thời gian tính h-ởng chế độ một lần còn lại là 5 năm 1 tháng (8 năm 1 tháng trừ đi 3 năm).

- Số tiền đ-ợc h-ởng là: 5 năm 1 tháng đ-ợc tính là 5,5 năm x 500.000 đồng = 2.750.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm, năm m-ời nghìn đồng).

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B, tham gia du kích thôn từ tháng 2/1957 đến 5/1962, từ tháng 6/1962 đến 10/1967 chuyển sang du kích xã tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến tr-ờng miền Nam. Ông đã đ-ợc tính h-ởng chế độ của thời gian tham gia du kích xã từ tháng 6/1962 đến 10/1967 là 5 năm 5 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung h-ởng chế độ trợ cấp một lần của ông Nguyễn Văn B theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg nh- sau:

- Tổng thời gian tham gia du kích từ tháng 2/1957 đến 10/1967 là 10 năm 9 tháng.
- Thời gian tham gia du kích xã đã đ- ợc tính h- ợng chế độ là 5 năm 5 tháng (đã đ- ợc tính là 5,5 năm = 5 năm 6 tháng).
- Thời gian đ- ợc tính h- ợng chế độ một lần còn lại là 5 năm 3 tháng (10 năm 9 tháng trừ đi 5 năm 6 tháng).
- Số tiền đ- ợc h- ợng là: 5 năm 3 tháng đ- ợc tính là 5, 5 năm x 400.000 đồng = 2.200.000 đồng (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ví dụ 3: Ông Trần Văn C, tham gia dân quân tập trung thuộc xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị từ tháng 6/1958 đến tháng 2/1971 về gia đình. Ông đã đ- ợc tính h- ợng chế độ trợ cấp một lần của thời gian tham gia dân quân tập trung từ tháng 8/1964 đến 2/1971 là 6 năm 7 tháng (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

Cách tính bổ sung h- ợng chế độ trợ cấp một lần của Ông Trần Văn C theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg nh- sau:

- Tổng thời gian tham gia dân quân tập trung chống Mỹ cứu n- ớc từ tháng 6/1958 đến tháng 2/1971 là 12 năm 9 tháng.
- Thời gian đã đ- ợc tính h- ợng chế độ trợ cấp một lần từ tháng 8/1964 đến 2/1971 (theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg) là 6 năm 7 tháng (đã đ- ợc tính là 7 năm).
- Thời gian đ- ợc tính h- ợng chế độ trợ cấp một lần còn lại là 5 năm 9 tháng (12 năm 9 tháng trừ đi 7 năm).
- Số tiền đ- ợc h- ợng là: 5 năm 9 tháng đ- ợc tính là 6 năm x 400.000 đồng = 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

2. Tr- ờng hợp đối t- ợng có quá trình tham gia kháng chiến chống Mỹ ở chiến tr- ờng B, C, K vừa là dân quân, du kích; vừa là hạ sỹ quan, chiến sỹ, sỹ quan hoặc ng- ời h- ợng l- ợng; vừa là cán bộ xã (ph- ờng) hoặc thuộc hai loại đối t- ợng này trở lên, thì tính h- ợng chế độ cho từng giai đoạn công tác theo mức h- ợng t- ợng ứng theo h- ớng dẫn tại Mục II, III, Phần I Thông t- số 191/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC. Cách tính cụ thể nh- sau:

- Phân thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ thành 2 nhóm: Nhóm thời gian tham gia dân quân, du kích và nhóm thời gian tham gia kháng chiến còn lại thuộc đối t- ợng h- ợng chế độ B, C, K.
- Lấy tổng thời gian từng nhóm trừ đi thời gian đã tính h- ợng chế độ tr- ớc đó theo loại đối t- ợng t- ợng ứng theo cách tính tại khoản 1 nêu trên.
- Sau đó tính h- ợng chế độ của thời gian còn lại theo từng nhóm và cộng dồn số tiền đ- ợc h- ợng.

3. Tr- ờng hợp, những ng- ời thuộc đối t- ợng h- ợng chế độ B, C, K đã hy sinh, thời gian tính h- ợng chế độ t- ợng ứng với thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ.

III. HỒ SƠ THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT DUYỆT H- ỢNG CHẾ ĐỘ

Bổ sung một số điểm về hồ sơ, thủ tục, trình tự xét duyệt nh- sau:

1. Đối với đối tượng chỉ có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an và cán bộ xã (ph-òng) theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 Mục I Thông t- này thì hồ sơ, thủ tục, quy trình xét duyệt thực hiện theo hướng dẫn tại Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

2. Đối với những tr-ờng hợp thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, đồng thời là đối tượng bổ sung theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg mà nay mới lập hồ sơ để thực hiện chế độ thì hồ sơ, thủ tục, quy trình xét duyệt thực hiện theo hướng dẫn tại Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC. Khi lập hồ sơ kê khai toàn bộ thời gian đ-ợc tính h-ởng chế độ theo quy định.

Những tr-ờng hợp này, ở danh sách đối tượng (mẫu 9B, 9C kèm theo Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC) tại cột ghi chú phải ghi rõ số năm đ-ợc tính h-ởng chế độ một lần là du kích tập trung (mẫu 9B), hoặc số năm đ-ợc tính h-ởng chế độ B, C, K (mẫu số 9C).

3. Đối với những tr-ờng hợp thuộc đối tượng đã đ-ợc h-ởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ để h-ởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nay đ-ợc bổ sung h-ởng chế độ theo quy định tại Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg thực hiện nh- sau:

a) Nếu đối tượng có thời gian công tác là hạ sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an và cán bộ xã (ph-òng) thì lập hồ sơ bổ sung, gồm: Bản khai cá nhân (theo mẫu 2A-1) hoặc Bản khai thân nhân (theo mẫu 2B-1); bản photô Quyết định h-ởng chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (nếu đã đ-ợc chi trả chế độ); tổng hợp danh sách bổ sung (theo mẫu 9B-1); quy trình xét duyệt và các văn bản khác thực hiện theo quy định tại Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Nếu đối tượng có thời gian là du kích thôn, ấp thì lập hồ sơ bổ sung, gồm: Bản khai cá nhân (theo mẫu 3A-1) hoặc Bản khai thân nhân (theo mẫu 3B-1); bản photô Quyết định h-ởng chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg (nếu đã đ-ợc chi trả chế độ); tổng hợp danh sách bổ sung (theo mẫu 9C-1); quy trình xét duyệt và các văn bản khác thực hiện theo quy định tại Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

4. Tr-ờng hợp đối tượng có hồ sơ gốc đã chứng minh đầy đủ quá trình tham gia kháng chiến để tính h-ởng chế độ theo quy định thì hồ sơ chỉ cần Bản khai cá nhân (hoặc Bản khai thân nhân); bản sao giấy tờ gốc có chứng nhận của Ủy ban nhân xã (ph-òng); văn bản đề nghị và danh sách tổng hợp của Ủy ban nhân dân xã (ph-òng).

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Sửa đổi khoản 3, Mục V, Phần I Thông t- số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC nh- sau:

1. Kinh phí chi cho công tác chi trả chế độ một lần đối với đối tượng B, C, K bằng 3%, các đối tượng còn lại bằng 4% trên tổng kinh phí chi trả chế độ một lần của đối tượng. Kinh phí cho công tác quản lý, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí thực hiện theo quy định hiện hành về bảo hiểm xã hội.

2. Nội dung chi cho công tác chi trả chế độ một lần cho đối tượng bao gồm: Lệ phí chi trả trợ cấp cho đối tượng; xét duyệt, thẩm định hồ sơ; chi tuyên truyền, phổ biến chính sách; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; sơ kết, tổng kết; in ấn mẫu biểu, giấy tờ quản lý và mua sắm, sửa chữa nhỏ các trang bị, đồ dùng văn phòng phục vụ công tác chi trả. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bổ sung về trách nhiệm và trình tự thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn tại Phần III Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC như sau:

1. Trường hợp đối tượng có thời gian công tác ở nhiều lĩnh vực khác nhau thì căn cứ lĩnh vực công tác cuối cùng tham gia kháng chiến chống Mỹ của người đó để thực hiện việc phân công xét duyệt, quyết định hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

2. Đối với cán bộ xã (phòng) hoạt động ở miền Nam tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước quy định tại điểm a, khoản 1 Mục I Thông tư này, Ban Trường vụ tỉnh (thành) uỷ căn cứ chức danh của từng loại hình xã (phòng) của địa phương trong kháng chiến, chỉ đạo các ban, ngành, các cấp uỷ đảng, chính quyền xem xét, tổng hợp và quyết định từng trường hợp để hưởng chế độ. Giao cho các cấp lập hồ sơ và thực hiện việc xét duyệt, quyết định hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Thông tư này.

3. Các cấp cần tổ chức xét duyệt chặt chẽ, công khai từng đối tượng, đúng quy trình hướng dẫn tại Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Thông tư này; căn cứ kết quả xét duyệt các đợt trước đây để xác định rõ thời gian đã tính hưởng chế độ của đối tượng và tính thời gian hưởng bổ sung; đồng thời, lưu giữ danh sách để theo dõi, tránh trùng hưởng chế độ.

Đối với cấp thôn, ấp; xã (phòng) khi tổ chức xét duyệt công khai mời đại diện những người cùng công tác nay sinh sống tại địa bàn và đại diện các đối tượng cùng lĩnh vực công tác đã được hưởng chế độ các đợt trước cùng dự.

Các trường hợp có hồ sơ gốc hoặc hồ sơ đã rõ xét duyệt trước; số chẵn rõ tiếp tục xác minh, xét duyệt sau. Trường hợp không đủ điều kiện hưởng chế độ thì trả lời cho đối tượng rõ.

4. Sửa đổi tiết d, điểm 1.4, khoản 1, Phần III Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC (về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) như sau: Ra quyết định hưởng chế độ một lần đối với các đối tượng là cán bộ, công nhân viên chức, dân chính đảng, cán bộ xã (phòng), thanh niên xung phong thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết.

5. Sửa đổi tiết e, điểm 1.4, khoản 1, Phần III Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC (về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) như sau: Tổng hợp danh sách và kinh phí thực hiện chế độ một lần gửi về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội thẩm định để gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí; chỉ đạo chi trả chế độ cho đối tượng và thanh quyết toán tài chính theo chế độ hiện hành.

6. Sửa đổi khoản 3, Phần IV Thông tư số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC (về trách nhiệm của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) như sau: Chỉ đạo hệ thống

ngành Lao động-Th- ơng binh và Xã hội phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa ph- ơng xét duyệt, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ra quyết định h- ớng chế độ một lần, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và chế độ hỗ trợ vật chất, tinh thần đối với các đối t- ợng; thẩm định và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ đối với đối t- ợng do ngành Lao động-Th- ơng binh và Xã hội quản lý theo h- ớng dẫn trợ cấp kinh phí uỷ quyền đối với ng- ời có công với cách mạng.

7. Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Th- ơng binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định Quyết định h- ớng chế độ một lần của các đơn vị, địa ph- ơng, tổng hợp đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí và tổng hợp quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà n- ớc và các văn bản h- ớng dẫn hiện hành.

8. Thông t- này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có v- ướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa ph- ơng phản ánh về liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

KT.BỘ TR- ỜNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TR- ỜNG

KT.BỘ TR- ỜNG
BỘ LAO ĐỘNG-TH- ƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỨ TR- ỜNG

KT.BỘ TR- ỜNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TR- ỜNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Bùi Hồng Lĩnh

Th- ơng t- ớng
Nguyễn Văn Đ- ợc

Nơi nhận:

- Thủ t- ớng, các Phó Thủ t- ớng (để báo cáo);
- VP Chính phủ; VP Chủ tịch n- ớc;
VP Trung - ơng Đảng; VP Quốc hội;
- Cơ quan Trung - ơng của các đoàn thể;
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà n- ớc;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ T- pháp);
- Công báo; Website Chính phủ;
- Các Quân khu (Bộ Quốc phòng);
- L- ụ: VTBQP, VTBLĐTBXH, VTBTC.